

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12 /2017/DS-ST  
Ngày 14/9/2017  
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.  
*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Văn Xung.  
- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Huệ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* bà Võ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2016/TLST- DS ngày 04 tháng 10 năm 2016 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX- DS ngày 23 tháng 08 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2016/QĐST, ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1964, có mặt.  
Địa chỉ: thôn P, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông.
- Bị đơn: ông Tăng Triệu V – sinh năm 1957, vắng mặt.  
Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Đ, vắng mặt.  
Địa chỉ: thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2017, của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Trước ngày 21/02/2012, giữa ông V và bà H có giao dịch mua bán cà phê, theo đó ông V bán cà phê, chốt giá và lấy tiền trước, giá theo sự thỏa thuận tại thời điểm các bên bán. Đến cuối vụ mùa của từng năm thì ông V trả bằng phê.

Đến ngày 21/02/2012, hai bên cùng đối chiếu công nợ và chốt sổ nợ thì ông Tăng Triệu V còn nợ 16 tấn cà phê nhân xô. Sau khi đối chiếu và chốt sổ xong thì ông Tăng Triệu V đã ký xác nhận nợ 16 tấn cà phê nhân xô. Số liệu chi tiết cụ thể từng năm giao dịch thì không còn, sau khi đối chiếu xong thì đã hủy. Từ ngày 21/2/2012 cho đến nay, giữa bà H và ông V không còn mua bán, giao dịch khác.

Bà H đã nhiều lần đến nhà ông V đã đòi nợ nhưng ông V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Hiện vẫn còn nợ 16 tấn cà phê nhân xô.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V có đưa ra chiếc xe ô tô 48A – 11111. Xe ô tô này đứng tên Doanh nghiệp tư nhân HT do bà H làm chủ, số tiền mua xe là của bà H bỏ ra để mua xe. Do đó, xe này không liên quan đến 16 tấn cà phê này.

Nay bà H khởi kiện và buộc ông Tăng Triệu V phải thanh toán cho bà H số lượng 16 tấn cà phê nhân xô.

2. Trình bày của ông Tăng Triệu V tại biên bản tự khai, lấy lời khai và đối chất: ông V khẳng định trước năm 2012, giữa ông V và bà H có thực hiện giao dịch, mua bán cà phê với nhau. Hai bên giao dịch mua bán qua lại với nhau và đến cuối năm đối chiếu công nợ, chốt sổ và thanh toán nợ với nhau. Giao dịch đến đâu thì hai bên thanh toán nợ với nhau đến đó. Hai bên giao dịch với nhau thì có viết tay và ký xác nhận nợ. Đến khoảng tháng 02 hoặc 03 năm 2012 thì hai bên chốt sổ và ông V có nợ của bà H với số lượng 12 tấn cà phê nhân xô.

Cuối năm 2010, ông V có mua một xe ô tô số 48A – 11111 với giá 1,1 tỷ ở đại lý D, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk. Trong năm 2011, ông V có bán cà phê nhân cho bà H với số 12 tấn cà phê nhân xô và ứng tiền trước với giá thời điểm lúc đó 33.000 đồng/kg, cuối năm trả 12 tấn cà phê nhân xô. Ngày 21/02/2012 thì bà H và ông V đối chiếu công nợ thì ông V có nợ bà H 12 tấn cà phê nhân xô và ông V đã ký xác nhận nợ. Đến tháng 05 hoặc 06 năm 2012, bà H lấy xe ô tô của ông V và kêu trừ nợ số lượng 12 tấn cà phê nhân xô. Khi bà H lấy xe thì không làm giấy tờ.

Khi mua xe ô tô, ông V nhờ doanh nghiệp của bà H đứng tên được miễn đóng thuế trước bạ đối với xe, nhưng khi đi làm giấy tờ thì ông V cũng phải đóng gần 100 triệu đồng thuế trước bạ. Số tiền mua xe ô tô là do ông V bỏ ra, tất cả các giấy tờ liên quan đến ô tô thì đều do ông V trực tiếp giao dịch và ký tên.

Số tiền 1,1 tỷ đồng mua xe ô tô 48A – 11111: bà H cho vay 10 tấn cà phê nhân, với giá thời điểm là 33.000 đồng/kg cà phê nhân, tương đương với số tiền 330.000.000 triệu đồng. Ông V có số tiền mặt là 370.000.000 đồng, thế chấp xe ô tô 48A – 11111 cho ngân hàng – chi nhánh huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông với số tiền 400.000.000. đồng.

Số tiền 400.000.000 đồng vay ngân hàng, bà H đã trả nợ cho ngân hàng. Tiền thuế trước bạ xe ô tô 48A – 11111, ông V nộp tiền tại kho bạc huyện M, tỉnh Đắk Nông với số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi xuất đóng tại ngân hàng – chi nhánh huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Này ông V không đồng ý với yêu cầu của bà H. Bà H phải trừ các khoản tiền mà ông V chi ra liên quan đến chiếc xe ô tô 48A – 11111 như: tiền thuế trước bạ là

100.000.000 đồng, tiền lãi trả cho ngân hàng, tiền mặt đã trả cho đại lý bán xe 700.000.000 đồng. Số nợ 12 tấn cà phê nhân xô trừ các chi phí liên quan đến xe ô tô biển số 48A – 11111 còn lại nợ bao nhiêu ông V đồng ý trả cho bà H.

Ông V không có giấy tờ gì để chứng minh về việc mua bán cà phê và mua bán, giao dịch liên quan đến xe ô tô biển số 48A – 11111.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích và tiến hành tổng đạt thông báo cho ông V về việc thực hiện quyền yêu cầu phản tố để bảo vệ quyền và lợi ích liên quan đến xe ô tô biển số 48A – 11111. Nhưng ông V không thực hiện quyền của mình

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng, giấy triệu tập và thông báo để thực hiện quyền yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Ngày 29/3/2014, Tòa án nhận được đơn trình bày bà Đ và khẳng định việc mua bán cà phê giữa ông V và bà H là không liên quan đến bà Đ. Bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do và không thực hiện quyền yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích hợp.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông Tăng Triệu V phải thanh toán số nợ 16 tấn cà phê nhân xô.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật, không có vi phạm gì. Riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì không chấp hành theo quy định pháp luật, không tôn trọng pháp luật và HĐXX.

Về quan điểm giải quyết vụ án vì đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Tăng Triệu V phải thanh toán 16 tấn cà phê nhân xô R<sub>2</sub>5%.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy đây là vụ án “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: đây là quan hệ “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 517 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13, ngày 25/11/2016 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 02/2016/NQ – HĐTP, ngày 30/06/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết 103/2015/QH13, ngày 25/11/2015, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[3] Quan hệ tranh chấp giữa bà H và ông V trong vụ án là tranh chấp về dân sự. Bị đơn ông Tăng Triệu V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[4] Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho ông V và bà Đ các văn bản tố tụng của Tòa án và mời làm việc nhưng bà Đ, ông V cố tình vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an xã M, hiện tại bà Đ và ông V có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Sự vắng mặt ông V và bà Đ vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

[5] Ngày 27/3/2017, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp cho ông Tăng Triệu V và bà Nguyễn Thị Đ thông báo về thực hiện quyền yêu cầu độc lập, phản tố trong vụ án theo quy định tại Điều 200, 201, 202 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông V và bà Đ không thực hiện.

[6] Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông V và bà Đ phải chịu hậu quả của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa lần hai để xét xử vắng mặt bị đơn ông V và bà Đ theo quy định của pháp luật.

[7] Về áp dụng pháp luật nội dung: các giao dịch của ông V và H được thực hiện vào trước tháng 3/2012, trước Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án. Áp dụng Điều 255; Điều 256; Điều 280, Điều 285, Điều 305; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung tranh chấp:

[8] Ông V và bà H đều khẳng định trước ngày 21/2/2012, giữa ông V và bà H có các giao dịch mua bán cà phê. Ông V và bà H đều khẳng định vào ngày 21/2/2012, giữa ông V và bà H có đối chiếu các số liệu mua bán và chốt sổ. Như vậy, đây là các tình tiết các bên đều thừa nhận nên không cần chứng minh, phù hợp với Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Bà H khởi kiện ông Tăng Triệu V và yêu cầu trả nợ 16 tấn cà phê nhân xô, căn cứ vào chứng cứ giấy viết tay nhận nợ vào ngày 21/02/2012. Theo giấy nhận nợ 21/02/2012, bà H đã nộp cho Tòa án: “*chú x nhận của chị hường cà phê tc 16 tấn cà phê (mười sáu tấn cà phê nhân)*”. Trong giấy nhận nợ, có chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của ông Tăng Triệu V, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên về việc mua bán, chốt sổ và ký xác nhận nợ. Như vậy, giữa ông Tăng Triệu V và bà Nguyễn Thị H có việc chốt sổ và ký xác nhận nợ

[10] Trong quá trình điều tra, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Tăng Triệu V và mời làm việc. Nhưng ông V đến trụ sở Tòa án làm việc vào các ngày 01/11/2016, 20/10/2016, 14/12/2016, sau đó ông V vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt không có lý do của ông Tăng Triệu V gây khó khăn cho giải quyết vụ án. Đồng thời ông V không đưa ra được bất cứ chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, ông V phải chịu hậu quả do việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ theo quy định của khoản 4 Điều 91 BLTTDS để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[11] Tòa án đã tổng đạt thông báo về thực hiện quyền yêu cầu phản tố cho ông V nhưng ông V không thực hiện quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[12] Ngày 22/6/2017, bà H có đơn yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của ông V. Ngày 22/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông. Ngày 25/7/2017, có kết luận giám định số 56-GĐTL/PC “chữ ký, chữ viết mang tên Tăng Triệu V ghi trên giấy nhận nợ, ghi ngày 21/2/2012. So với chữ ký, chữ viết mang trên Tăng Triệu V trên biên bản giao nhận, tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn trình bày, biên bản ghi lời khai đối chất là cùng một người ký, viết ra”

[13] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ: đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập làm việc và tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tổng đạt trực tiếp cho bà Đ thông báo về thực hiện yêu cầu độc lập liên quan trong vụ án nhưng bà Đ không thực hiện quyền yêu cầu độc lập trong vụ án nên không đặt ra giải quyết. Bà Đ đã gửi đơn đề ngày 28/3/2017, bà Đ khẳng định việc làm ăn giữa ông V bà H thì bà không tham gia. Do đó, bà Đ phải chịu hậu quả do việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ theo quy định của khoản 4 Điều 91 BLTTDS để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[14] Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX khẳng định: công nhận quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị H xuất phát từ hợp đồng mua bán tài sản theo giấy viết tay nhận nợ ngày 21/2/2012 giữa ông Tăng Triệu V và bà Nguyễn Thị H là có thật. Về cơ bản nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản nói riêng và hợp đồng dân sự nói chung.

[15] Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán”

[16] Việc ông Tăng Triệu V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H khi đến hạn là vi phạm pháp luật. Điều 285 BLDS quy định “thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự do các bên thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật, bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ dân sự đúng thời hạn.....”.

[17] Như vậy, khi đến hạn thanh toán nợ, ông Tăng Triệu V không thực hiện nghĩa vụ đúng hẹn với bà H là vi phạm nghĩa vụ, nên cần áp dụng theo Điều 256 BLDS để giải quyết đối với tranh chấp giữa bà H và ông V là phù hợp.

[18] Điều 256 BLDS quy định cụ thể về “Quyền đòi lại tài sản” thì: *“Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật này. Trong trường hợp tài sản đang thuộc sự chiếm hữu của người chiếm hữu ngay tình thì áp dụng Điều 257 và Điều 258 của Bộ luật này”*.

[29] Về án phí dân sự: áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án tiến hành xác minh tại công ty TNHH MTV Nông sản Thành Mai về giá cà phê của ngày 14/9/2017, giá cà phê nhân xô R<sub>2</sub>5% là 43.000 đồng/kg. Cụ thể như sau: 16.000 kg x 43.000 đồng/kg = 688.000.000 đồng, án phí: 20.000.000 đồng + (4% x 288.000.000 đồng) = 31.520.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng)

[20] Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003678, ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[21] Chi phí giám định chữ ký hết 3.600.000 đồng, người yêu cầu giám định là nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xin chịu chi phí giám định và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt giải quyết

[22] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐắkMil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 517 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 255; Điều 256; Điều 280, Điều 285, Điều 305; Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 . Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Buộc ông Tăng Triệu V phải trả cho bà Nguyễn Thị H 16 (mười sáu) tấn cà phê nhân xô R<sub>2</sub> 5%.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Tăng Triệu V phải nộp 31.520.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí DSST.

3.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003678, ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.2. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THADS huyện ĐắkMil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

**Lại Hồng Duy**